

Vườn Quốc gia Yok Don

Tên khác:

Tiêu Tọa-Easup

Tỉnh:

Đắk Lắk

Diện tích:

115.545 ha

Toạ độ:

12°45' - 13°10' N, 107°29' - 107°48' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Tây Nguyên

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban Quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A,B,C

Đáp ứng các tiêu chí của xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Có - 2003

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Các thông tin chính xác về việc thành lập Vườn Quốc gia Yok Đôn không có sẵn, có vẻ như khu vực này lần đầu tiên công nhận là một khu bảo tồn thiên nhiên từ năm 1977 (Davis *et al.* 1995). Sau đó, ngày 09/08/1986, Quyết định Số 194/CT của Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng đã xác định việc thành lập một khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 40.000 ha và tên gọi là Tiêu Tọa-Easup. Theo như quyết định của Chính phủ, có lẽ khu bảo vệ này bao gồm hai phân khu: một phân khu 20.000 ha ở huyện Easup, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, các khu bảo vệ đã không được xây dựng tại những điểm nêu trên, và quyết định về việc thành lập khu bảo vệ Tiêu Tọa-Easup được dùng làm cơ sở để thành lập Khu Bảo tồn Thiên nhiên Yok Đôn ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (Bộ NN&PTNT, 1997). Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Yok Đôn được thành lập năm 1989 (MacKinnon *et al.* 1989).

Tiếp theo việc thành lập Khu Bảo tồn Thiên nhiên Yok Đôn, một dự án đầu tư đã được soạn thảo để chuyển hạng thành vườn quốc gia. Dự án đầu tư đã được phê duyệt ngày 29/10/1991, theo Quyết định Số 352/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Anon. 1989). Ngày 22/7/1992, Quyết định số 335/LS-CNR của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp phê duyệt tổng mặt bằng xây dựng và kế hoạch, biện pháp triển khai xây dựng các hạng mục chủ yếu của VQG Yok Đôn. Diện tích Vườn quốc gia theo quyết định là 58.200 ha (Bộ NN&PTNT, 1997).

Kể từ khi thành lập VQG Yok Đôn đã có một số đề xuất mở rộng VQG nhằm bao gồm các hệ sinh thái rừng liên tiếp và mở rộng diện tích bảo tồn cho các loài thú và chim có tầm quan trọng bảo tồn. Dựa theo kết quả điều tra thú lớn ở tỉnh Đắk Lắk, Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) đã đề xuất mở rộng VQG về phía bắc tới ranh giới với tỉnh Gia Lai, như vậy sẽ bao gồm diện tích lớn của huyện Easup. Đề xuất này lại được lặp lại và bổ sung thêm bởi Brickle *et al.* (1998), theo nghiên cứu về tình trạng và phân bố của loài Công *Pavo muticus* ở tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1998, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (Viện ĐTQHR) đã soạn thảo dự án đầu tư VQG Yok Đôn mở rộng. Dự án này đã đề xuất mở rộng VQG thêm 57.345 ha, trong đó mở rộng lên phía bắc 54.563 ha, ở huyện Buôn Đôn và Easup, và mở rộng về phía nam 2.782 ha, ở huyện Cư Jút. Như vậy tổng diện tích của VQG là 115.545 ha (Anon. 1998). Dự án đầu tư này đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê chuẩn, và Bộ NN&PTNT thẩm định. Sau đó, việc mở rộng VQG Yok Đôn được chính thức chuẩn y theo Quyết định 39/2002/QĐ-TTg ngày 18/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định này, tổng diện tích của VQG là 115.545 ha, phân khu phục hồi sinh thái 30.426 ha, và phân khu hành chính dịch vụ 4.172 ha. Ngoài ra còn xác định một vùng đệm có diện tích 133.890 ha.

Ban Quản lý VQG Yok Đôn hiện tại có 120 cán bộ, làm việc tại một văn phòng chính và bảy trạm bảo vệ (Ban Quản lý VQG Yok Đôn, 2003). VQG hiện thuộc sự quản lý của Bộ NN&PTNT.

Yok Đôn vẫn có tên là một VQG với diện tích 115.545 ha trong danh lục đề xuất các khu rừng đặc dụng của Việt Nam đến năm 2010 ha do Cục Kiểm lâm — Bộ NN&PTNT xây dựng (Cục Kiểm Lâm, 2003), danh lục này đến nay chưa được Chính phủ phê duyệt.

Địa hình và thủy văn

VQG Yok Đôn nằm ở các xã Ea Bung và Chư M'Lanh, Huyện Ea Sup, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn và xã Ea Pô, huyện Cư Jút ở phía tây tỉnh Đắk Lắk. Yok Đôn nằm trên vùng cao nguyên thấp kéo dài từ Campuchia sang phía bắc tỉnh Đắk Lắk và phía nam tỉnh Gia Lai của Việt Nam. Hầu hết địa hình khu vực bằng phẳng, độ cao khoảng 200m. Tuy nhiên, cũng có hai dãy đồi thấp trong VQG, điểm cao nhất là núi Yok Đôn cao 482 m ở phía đông nam của VQG.

VQG Yok Đôn tách đôi bởi sông Srêpôk, là một nhánh chính của sông Mê Kông. Sông Srêpôk, là sông có nguồn nước thường xuyên duy nhất ở VQG trong mùa khô, thậm chí hai suối lớn nhất ở vườn là Đắk Ken và Đắk Na cũng bị khô đi hình thành hàng loạt vũng nước đứt đoạn. Trong VQG có rất nhiều các hồ nước, một số trong chúng có thể có nước quanh năm.

Đa dạng sinh học

Thảm thực vật ở VQG Yok Đôn ưu thế bởi dạng khảm rừng rụng lá và rừng bán thường xanh (hỗn giao cây rụng lá). Khu vực cũng có rất ít những khoảnh rừng thường xanh nhỏ chủ yếu tập trung ở các đồi thấp gần các vực nước. Rừng rụng lá ưu thế bởi các loài trong họ Dầu Dipterocarpaceae, bao gồm các loài *Dipterocarpus tuberculatus*, *D. obtusifolius* and *Shorea obtusa*. Tuy nhiên cũng có đại diện của các họ như Xoài Anacardiaceae, Bàng Combretaceae, Đậu Fagaceae và Sim Myrtaceae. Đặc trưng cấu kiểu rừng này là tán thưa, cây có vỏ dày, khó bắt lửa (Anon. 1998).

Khác với rừng rụng lá, rừng nửa rụng lá khép tán, tán dày và rừng có năm tầng. Kiểu rừng này có các loài đặc trưng như *Lagerstroemia calyculata*, *Shorea cochinchinensis* và *Anisoptera scaphula*. Rừng thường xanh có diện tích nhỏ và phân bố hẹp trên các đồng đồi cao ở phía tây nam của VQG. Kiểu rừng này ưu thế bởi các loài của họ Đậu Fagaceae, Thầu dầu Euphorbiaceae, Bồ hòn Sapindaceae, Thị Ebenaceae và Xoan Meliaceae (Anon. 1998).

Do đặc trưng của rừng rụng lá có thành phần thực vật đơn giản, tính đa dạng thấp hơn rừng thường xanh nên tính đa dạng của khu hệ thực vật Yok Đôn thấp hơn các VQG khác ở Việt Nam. Cho đến nay, đã ghi nhận 474 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 28 loài có trong *Sách Đỏ Việt Nam* (Anon. 1998). Yok Đôn được xem như một trong bảy trung tâm đa dạng thực vật có tầm quan trọng quốc tế ở Việt Nam (Davis *et al.* 1995).

VQG Yok Đôn nổi tiếng là khu vực rất quan trọng đối với công tác bảo tồn các loài thú lớn. Duckworth và Hedges (1998) đã xác nhận nhiều loài thú lớn hiện có ở vườn bao gồm Voi châu Á *Elephas maximus*, Bò tót *Bos gaurus*, Bò rừng *B. javanicus* và Hổ *Panthera tigris*. Tuy nhiên, báo cáo này cũng cho rằng số lượng quần thể của bốn loài trên ở VQG đã suy giảm nghiêm trọng. Ngoài ra, các chứng cứ từ các phần cơ thể động vật và các báo cáo sơ bộ cho thấy loài Sáo nguy cấp trên toàn cầu là Nai Cà-toong *Cervus eldi* có thể vẫn tồn tại ở đây với số lượng rất ít (Le Trong Trai và Eames 2003). Hơn nữa, trong VQG còn có ghi nhận hai loài linh trưởng bị đe dọa trên toàn cầu là Voọc vá chân đen *Pygathrix nigripes* và Voọc đen má trắng *Hylobates gabriellae*.

Tuy có nhiều tài liệu đã liệt kê loài bị đe dọa ở mức Tối nguy cấp trên toàn cầu là Bò xám *Bos sauveli* có ở VQG Yok Đôn (ví dụ, MacKinnon *et al.* 1989, Davis *et al.* 1995). Tuy nhiên, trong cả báo cáo Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) và các điều tra gần đây của Dự án *Thiết lập Khu Bảo vệ để Bảo tồn Tài nguyên Thiên nhiên trên cơ sở Sinh thái Cảnh quan (PARC)* đều không tìm thấy bằng chứng nào về sự hiện diện của loài này ở đây.

Có rất nhiều loài chim bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu được ghi nhận ở VQG Yok Đôn, đặc biệt đáng chú ý là các loài chim nước vừa và lớn như Ngan cánh trắng *Cairina scutulata*, Chân bơi *Heliopais personata* và Già đầy nhỏ *Leptoptilos javanicus* (Tordoff 2002, Le Trong Trai và Eames 2003). Ghi nhận nổi bật nhất là Yok Đôn là địa điểm duy nhất ở Việt Nam có ghi nhận chắc chắn trong thời gian gần đây về loài Tối nguy cấp trên toàn cầu Cò quăm lớn *Thaumatibis gigantea* (Le Trong Trai và Eames 2003). Hơn nữa, VQG Yok Đôn là một trong số rất ít các khu bảo vệ đã được thành lập tại Việt Nam còn có một quần thể Công xanh có số lượng tương đối đáng kể. Trong một nghiên cứu gần đây cho thấy VQG có thể còn có số lượng tối đa là 1.200 cá thể Công (Le Trong Trai *et al.* 2003).

VQG Yok Đôn là nơi có hai Vùng Chim Quan trọng: Yok Đôn và Chư M'Lanh (Tordoff 2002).

Các vấn đề về bảo tồn

Năm 1989, kế hoạch quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Yok Đôn đã được MacKinnon *et al.* Soạn thảo (1989). Các tác giả của bản thảo kế hoạch đã xác định các vấn đề chủ yếu mà ban quản lý khu bảo tồn đang phải đối mặt như: săn, bắn trộm, chặt gỗ và khai thác dầu chai; cháy rừng; an ninh nghiêm ngặt; thiếu cán bộ thích hợp và được đào tạo tốt; thiếu trang bị cần thiết và kinh phí; và thiếu hiểu biết về kỹ thuật và số liệu.

Hiện tại săn bắn đe dọa trực tiếp mạnh nhất đối với tính đa dạng sinh học ở VQG Yok Đôn. Đợt điều tra thực địa của Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) đã cho thấy rằng, mặc dù nơi đây có sinh cảnh thích hợp nhưng quần thể của các loài thú lớn và chim của VQG Yok Đôn đã suy giảm mạnh trong những năm qua, các hoạt động quản lý hiện nay không duy trì được quần thể ổn định của các loài động vật của vườn. Do đó, Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) đã đề xuất tập trung các nỗ lực bảo tồn ở Yok Đôn từ điều tra sang tăng cường tổ chức của cán bộ VQG. Các hoạt động này đang được thực thi với sự hỗ trợ của Dự án PARC.

Việc di dân vào các vùng xung quanh VQG Yok Đôn đang dẫn đến tăng sức ép của con người đối với tài nguyên thiên nhiên, và đang đe dọa tới các hoạt động bảo tồn của VQG. Vào giữa năm 1979 và 1989 tỉ lệ di dân vào tỉnh Đắk Lắk cao nhất trong các tỉnh của cả nước. Tương tự như vậy trong vòng 5 năm 1990 đến 1995, dân số của tỉnh Đắk Lắk tăng lên 21%, ước tính từ 1.026.000 người lên tới 1.242.000 người (Brickle *et al.* 1998). Sự di dân vào tỉnh Đắk Lắk đã ảnh hưởng đáng kể lên hệ sinh thái rừng của tỉnh, đặc biệt đối với VQG Yok Đôn. Tăng nhu cầu đối với các sản phẩm của rừng, bao gồm gỗ và động vật hoang dã, điều đó đã góp phần làm mất tính đa dạng sinh học của VQG Yok Đôn, phát rừng để lấy đất trồng trọt và buôn bán đất đã dẫn đến mất diện tích rừng xung quanh vườn (Huỳnh Thu Ba, 1998).

Một vấn đề quan trọng đối với VQG Yok Đôn là việc xây dựng các công trình hạ tầng bên trong vườn. Ví dụ, một đập nước mới được xây dựng trên suối Đắk Ken và kế hoạch làm đường nhựa đến chân núi Yok Đôn. (Eames và Nguyen Duc Tu, 2002). Ngoài ra, hiện đang có kế hoạch nâng cấp đường nhựa dọc biên giới với Campuchia cắt qua phía tây của VQG trở thành một

đường tỉnh lộ. Ngoài tác động trực tiếp của các hoạt động này lên tính đa dạng sinh học về mặt làm mất sinh cảnh, các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là làm đường sẽ tạo điều kiện cho các đối tượng xâm nhập vào VQG, khai thác trái phép các tài nguyên thiên nhiên và nhất là làm cho khu vực trở thành mục tiêu định cư của dân di cư tự do.

Ngoài việc phát triển cơ sở hạ tầng, ban quản lý VQG hiện còn có kế hoạch cho rất nhiều hoạt động không tương thích với mục tiêu bảo tồn ở trong và ngoài VQG. Đơn cử như, làm đập ngăn các dòng suối có nước theo mùa để giữ nước trong các đoạn suối rẽ quạt, nạo vét các hồ nước hay làm các vũng nước nhân tạo, nạo vét cát dọc sông Srêpôk và thiết lập các trang trại nuôi đà điểu trong VQG. Các hoạt động này thể hiện mục tiêu quản lý “cải thiện sinh cảnh” một cách sai lầm và gây tổn hại nghiêm trọng đến bảo tồn đa dạng sinh học.

Các giá trị khác

Huyện Buôn Đôn nổi tiếng là trung tâm của voi nhà, ở đây có truyền thống lâu đời trong số các nhóm dân tộc thiểu số của Tây Nguyên. Cưỡi Voi hiện nay đang phổ biến và hấp dẫn trong du lịch, tăng số lượng du khách và thu nhập cho người dân trong vùng. Các du khách đến với Yok Đôn có thể cưỡi voi vào trong VQG.

Các dự án có liên quan

Dự án bảo tồn lớn nhất hiện đang được thực hiện tại đây là dự án PARC. Văn kiện dự án (VIE/95/G31) đã được ký kết vào ngày 20/11/1998, và bắt đầu được triển khai vào giữa năm 1999. Nguồn tài trợ chính cho dự án do Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) cấp và đối tác chính là UNDP và Chính phủ Việt Nam. Mục đích của dự án là sử dụng sinh thái cảnh quan để tiếp cận với công tác bảo tồn. Tại VQG Yok Đôn, các hoạt động của dự án chia thành 10 lĩnh vực: cơ sở hạ tầng khu bảo vệ; quản lý khu bảo vệ; giám sát sinh học và xã hội; quy hoạch sử dụng đất; giáo dục môi trường và nhận thức; phát triển du lịch sinh thái; phát triển nông nghiệp; nâng cao khả năng hình thành các nguồn thu nhập thay thế; lâm nghiệp; và xây dựng một khung thể chế cho VQG và vùng đệm. Dự án cũng triển khai ở khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Na Hang và VQG Ba Bể.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Kế hoạch quản lý cho VQG Yok Đôn được xây dựng năm 2003 với sự hỗ trợ của Dự án PARC.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Yok Đôn đáp ứng các tiêu chí A, B và C. Tuy nhiên, do đây là một khu rừng đặc dụng do trung ương quản lý nên vườn không đáp ứng tiêu chuẩn để có thể nhận hỗ trợ từ VCF nếu Kế hoạch Đầu tư và Kế hoạch Quản lý Hoạt động thể hiện hầu hết các hỗ trợ từ Chính phủ trực tiếp định hướng vào các hoạt động bảo tồn. Hiện tại, ngân sách Nhà nước đang đầu tư trực tiếp.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	DF4 — Rừng khô bình nguyên phía đông
A _{II}	VN044 - Yok Đôn; VN050 — Chư M'Lanh
B _I	Quyết định 39/2002/TTg, ngày 18/03/02
B _{II}	VQG
B _{III}	Thuộc trung ương quản lý
C _I	Đã có Ban Quản lý
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Anon. (1998) "Investment plan for expanding Yok Don National Park". Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1998) The investment project to expand the Yokdon National Park. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute.

Anon. (1999) PARC Project: an introduction to the project. Hanoi: WWF and GTZ.

Anon. (1999) "PARC Project: an introduction to the project". Hanoi: WWF and GTZ. In Vietnamese.

Brickle, N. W. (2002) Habitat use, predicted distribution and conservation of Green Peafowl (*Pavo muticus*) in Dak Lak province, Vietnam. Biological Conservation 105: 189-197.

Brickle, N. W., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh, Nguyen Thai Tu Cuong and Hoang Van San (1998) The status and distribution of Green Peafowl *Pavo muticus* in Dak Lak province, Vietnam. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Brickle, N. W., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh, Nguyen Thai Tu Cuong and Hoang Van San (1998) "The status and distribution of Green Peafowl *Pavo muticus* in Dak Lak province, Vietnam". Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme. In Vietnamese.

CRES (1997) Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in the Central Highlands. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies.

CRES (1997) "Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in the Central Highlands". Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies. In Vietnamese.

Dang Huy Huynh, Cao Van Sung and Le Xuan Canh (1995) A report on the survey for biological resources in Yok Don National Park, south Vietnam. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources.

Davis, S. D., Heywood, V. H. and Hamilton, A. C. eds. (1995) Centres of plant diversity: a guide and strategy for their conservation. Cambridge, U.K.: WWF and IUCN.

Dillon, T. C. and Wikramanayake, E. D. (1997) Parks, peace and progress: a forum for transboundary conservation in Indochina. Parks 7(3): 36-51.

Do Quang Tung (1999) "Features of Vietnam's PARC project - VIE/95/G31". Lam Nghiep "Vietnam Forest Review". May 1999: 17-18. In Vietnamese.

- Dodd, J. and Lewis, M. (1996) Vietnam: the rough guide. London: Rough Guides.
- Duckworth, J. W., Anderson, G. Q. A., Desai, A. A. and Steinmetz, R. (1998) A clarification of the status of the Asiatic Jackal *Canis aureus* in Indochina. *Mammalia* 62 (4): 549-556.
- Duckworth, J. W. and Hedges, S. (1998) Tracking tigers: a review of the status of Tiger, Asian Elephant, Gaur and Banteng in Vietnam, Lao, Cambodia and Yunnan province (China) with recommendations for future conservation action. Hanoi: WWF Indochina Programme.
- Eames, J. C. and Nguyen Duc Tu (2002) An interim biodiversity report for Yok Don National Park, Dak Lak province, Vietnam. Unpublished report to Vietnam PARC Project, Yok Don Component.
- GTZ and WWF (1999) GTZ and WWF technical component proposal: Yok Don National Park, Dak Lak province, Vietnam. Project proposal for UN Vietnam PARC Project: VIE/95/G31 and VIE/95/031.
- GTZ and WWF (1999) Monthly report: reporting period August 1999. Unpublished report to Vietnam PARC Project. In Vietnamese.
- GTZ and WWF (1999) PARC project: an introduction to the project. Unpublished report to Vietnam PARC Project. In Vietnamese.
- Ha Van Hoach (1998) "List of butterfly species collected at Yok Don National Park". Unpublished report to the Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.
- Huynh Thu Ba (1998) Human migration and resource utilization. Hanoi: WWF Indochina Programme.
- Le Trong Trai and Eames, J. C. (2003) The third interim biodiversity report for Yok Don National Park, Vietnam. Unpublished report to the PARC Project, Yok Don Component.
- Le Xuan Canh, Pham Trong Anh, Duckworth, J. W., Vu Ngoc Thanh and Lic Vuthy (1997) A survey of large mammals in Dak Lak province, Vietnam. Hanoi: WWF Indochina Programme and IUCN.
- MacKinnon, J., Laurie, A., Nhieu, Dang Huy Huynh, Le Vu Khoi and Ha Dinh Duc (1989) Draft management plan for Yok Don Nature Reserve, Easup district, Daklak province, Vietnam. Hong Kong: WWF.
- Paine, J. R. (1990) The Yok Don reserve, Dak Lak. *Garrulax* 6: 8.
- Tordoff, A. W. ed. (2002) Directory of important bird areas in Vietnam: key sites for conservation. Hanoi: BirdLife International in Indochina and the Institute of Ecology and Biological Resources.
- Vietnam News (2002) Elephants adapt to new home. Vietnam News 6 April 2002.
- Vietnam News (2002) Govt expands Yok Don National Park. Vietnam News 23 March 2002.
- Vietnam News (2002) National park escapes roadwork. Vietnam News 27 July 2002.
- Vietnam News (2002) Ostriches feather Yok Don's cap. Vietnam News 7 August 2002.
- Vietnam News (2002) Researchers turn over leaf in Yok Don to find new species. Vietnam News 12 October 2002.
- Vietnam News (2002) Yok Don to tame its wild elephants. Vietnam News 31 August 2002.
- Vietnam News (2003) Jumbos tamed to benefit tourism. Vietnam News 5 March 2003.